

Áp dụng BLENDED - LEARNING vào giảng dạy Kỹ năng mềm cho sinh viên năm thứ 2 Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

Nguyễn Thanh Tú*

*TS. Viện Đổi mới sáng tạo & Kinh tế số

Received: 16/5/2024; Accepted: 20/4/2024; Published: 23/5/2024

Abstract: In the realm of contemporary education, blended learning has emerged as a crucial approach for teaching soft skills. This paper explores the implementation of blended learning in teaching soft skills to 2469 students of the 73rd cohort at the University of Transport Technology. Conducted across 53 classes, the study collects and analyzes students' academic performance to assess the effectiveness of this method. Results show that blended learning enhances student engagement, satisfaction, and academic achievement. The paper concludes with recommendations for broader adoption of blended learning techniques in the curriculum at the University of Transport Technology.

Keywords: Blended Learning, Soft Skills, Higher Education, Student Engagement, Academic Achievement, University of Transport Technology

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, công nghệ thông tin (CNTT) đã trở thành một phần không thể thiếu, mở ra nhiều cơ hội cho phương pháp (PP) giảng dạy tiên tiến như blended learning. Blended learning kết hợp giữa giảng dạy trực tiếp và học trực tuyến, mang lại nhiều lợi ích trong việc giảng dạy kỹ năng mềm (KNM). Các KNM như giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề rất quan trọng nhưng khó giảng dạy hiệu quả bằng PP truyền thống. Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả của blended learning trong giảng dạy KNM cho sinh viên (SV) tại Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải, từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lợi ích của phương pháp Blended Learning.

Blended learning (học tập kết hợp): Pha trộn giữa giảng dạy truyền thống trực tiếp và học tập trực tuyến, tận dụng ưu điểm và khắc phục hạn chế của cả hai PP. Lợi ích của Blended Learning trong giảng dạy KNM:

Tăng cường tính linh hoạt: Cho phép SV học tập mọi lúc, mọi nơi.

Cải thiện hiệu quả học tập: Kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.

Tăng cường tương tác và hợp tác: Giữa SV và GV, phát triển KN giao tiếp và làm việc nhóm.

Đa dạng hóa PP giảng dạy: Làm cho quá trình học tập thú vị và hiệu quả hơn.

Cá nhân hóa học tập: GV dễ dàng theo dõi tiến trình và hỗ trợ SV

Phát triển KN công nghệ: Phù hợp với yêu cầu của môi trường làm việc hiện đại.

Tối ưu hóa tài nguyên GD: Giúp GV tiết kiệm thời gian và công sức, sinh viên dễ dàng truy cập tài liệu học tập.

2.2. Chuẩn bị để thực hiện phương pháp blended learning.

Trước khi giảng dạy theo PP blended learning diễn ra thì công tác chuẩn bị là khâu khá quan trọng đối với cả người dạy lẫn người học, để PP này thành công thì phải đảm bảo các hoạt động sau đây:

Đối với người dạy:

- Đào tạo và nâng cao KN sử dụng công nghệ: (1) Khóa học đào tạo: Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn để GV nắm vững cách sử dụng các công cụ và nền tảng học trực tuyến. (2) Hỗ trợ kỹ thuật: Cung cấp tài liệu hướng dẫn và đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật để giải quyết các vấn đề công nghệ.

- Thiết kế nội dung khóa học: (1) Xây dựng giáo án kết hợp: Phát triển giáo án kết hợp giữa bài giảng trực tiếp và tài liệu học trực tuyến. (2) Phát triển tài liệu số: Chuẩn bị các tài liệu học tập như video bài giảng, bài đọc, bài kiểm tra trực tuyến. (3) Tạo kế hoạch học tập linh hoạt: Lên lịch cho các buổi học trực tiếp và trực tuyến một cách hợp lý, đảm bảo sự cân bằng giữa hai hình thức học.

- PP giảng dạy: (1) Sử dụng PP tương tác: Tích

hợp các hoạt động tương tác như thảo luận nhóm, bài tập thực hành, và phản hồi liên tục. (2) Đánh giá và phản hồi: Thiết lập hệ thống đánh giá liên tục và cung cấp phản hồi chi tiết cho SV

Đối với người học:

- Hướng dẫn và làm quen với công nghệ: (1) Hướng dẫn sử dụng nền tảng học trực tuyến: Tổ chức các buổi hướng dẫn để SV làm quen với nền tảng học trực tuyến và các công cụ học tập. (2) Tài liệu hướng dẫn: Cung cấp tài liệu hướng dẫn chi tiết về cách sử dụng các công cụ và nền tảng học trực tuyến.

- Xây dựng KN tự học và quản lý thời gian: (1) Khóa học KNM: Tổ chức các khóa học về KN tự học, quản lý thời gian và KN làm việc nhóm trực tuyến. (2) Kế hoạch học tập cá nhân: Hướng dẫn SV lập kế hoạch học tập cá nhân, tự quản lý thời gian và theo dõi tiến trình học tập của mình.

- Tăng cường tương tác và hợp tác: (1) Hoạt động nhóm: Khuyến khích SV tham gia các hoạt động nhóm, thảo luận trực tuyến và hợp tác trong các dự án nhóm. (2) Cộng đồng học tập trực tuyến: Xây dựng cộng đồng học tập trực tuyến để SV có thể trao đổi, hỗ trợ lẫn nhau và chia sẻ kiến thức.

Đối với nhà trường:

- Cơ sở hạ tầng công nghệ: (1) Trang bị thiết bị: Cung cấp đủ các thiết bị cần thiết như máy tính, máy chiếu, kết nối internet tốc độ cao. (2) Phần mềm và công cụ học tập: Cấp phép sử dụng các phần mềm và công cụ học tập trực tuyến.

- Hỗ trợ kỹ thuật: (1) Đội ngũ hỗ trợ: Thành lập đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật sẵn sàng giúp đỡ GV và SV khi gặp vấn đề. (2) Hỗ trợ trực tuyến: Cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tuyến 24/7 để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh.

- Chính sách và quy định: (1) Chính sách hỗ trợ: Ban hành các chính sách hỗ trợ về tài chính, học phí, và các ưu đãi khác để khuyến khích GV và SV tham gia PP học blended learning. (2) Quy định học tập: Xây dựng và phổ biến các quy định về học tập trực tuyến, đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong đánh giá và kiểm tra

2.3 Tiến hành giảng dạy theo phương pháp Blended learning.

- Lập kế hoạch và thiết kế khóa học: (1) Xác định mục tiêu học tập. Xác định rõ các KNM cần giảng dạy (giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, quản lý thời gian, v.v.). Xác định các mục tiêu cụ thể mà SV cần đạt được sau khóa học.

- Xây dựng cấu trúc khóa học: (1) Phân chia khóa

học thành các module nhỏ, mỗi module tập trung vào một KN cụ thể. (2) Lên lịch cho các buổi học trực tiếp và các hoạt động trực tuyến, đảm bảo cân bằng giữa hai hình thức học.

- Chuẩn bị nội dung giảng dạy: (1) Tài liệu học tập trực tuyến. Chuẩn bị video bài giảng, bài đọc, bài kiểm tra trực tuyến và các tài liệu học tập khác. Đảm bảo các tài liệu học tập trực tuyến dễ truy cập và sử dụng.

- Bài giảng trực tiếp: Lên kế hoạch cho các buổi học trực tiếp với các hoạt động tương tác như thảo luận nhóm, bài tập thực hành. Chuẩn bị các tình huống thực tế để sinh viên thực hành KNM.

- Triển khai giảng dạy: SV hoàn thành các bài đọc và xem video bài giảng trước khi tham gia buổi học trực tiếp. SV tham gia các diễn đàn thảo luận, làm bài tập trực tuyến và tham gia các hoạt động nhóm qua nền tảng trực tuyến. Tổ chức các buổi học trực tiếp tại lớp học, tập trung vào thảo luận, phản hồi và thực hành KN. Khuyến khích SV tham gia các hoạt động nhóm, giải quyết tình huống thực tế và trình bày kết quả trước lớp.

- Đánh giá và phản hồi: (1) Đánh giá thường xuyên: Sử dụng các bài kiểm tra trực tuyến, bài tập nhóm và bài kiểm tra tại lớp để đánh giá tiến độ học tập của SV. Thiết lập hệ thống đánh giá liên tục để theo dõi sự tiến bộ của SV. (2) Phản hồi cá nhân: Cung cấp phản hồi chi tiết cho từng SV về kết quả học tập và KN của họ. Tổ chức các buổi gặp gỡ cá nhân để thảo luận về những khó khăn và đề xuất phương hướng cải thiện.

- Tối ưu hóa và cải tiến liên tục: (1) Thu thập phản hồi: Thu thập phản hồi từ SV về quá trình học tập và nội dung giảng dạy thông qua các khảo sát và thảo luận nhóm. Phân tích phản hồi để nhận diện các vấn đề và cơ hội cải tiến.

- Cải tiến nội dung và PP giảng dạy: (1) Dựa trên phản hồi và kết quả đánh giá, điều chỉnh nội dung và PP giảng dạy để phù hợp hơn với nhu cầu của SV. (2) Liên tục cập nhật và cải tiến các tài liệu học tập và PP giảng dạy để đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với xu hướng GD hiện đại.

2.4 Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên 53 lớp học với tổng cộng 2469 SV khóa 73. Các lớp học đều áp dụng PP blended learning. Dữ liệu về kết quả học tập của SV được thu thập và phân tích để đánh giá hiệu quả của PP giảng dạy này. Chọn mẫu: 2469 SV khóa

73 từ 53 lớp học. Phân nhóm: Các lớp học đều áp dụng PP blended learning.

Công cụ thu thập dữ liệu: (1) Bảng câu hỏi khảo sát: Được thiết kế để thu thập thông tin về mức độ hài lòng và cảm nhận của SV đối với PP giảng dạy. (2) Kết quả học tập: Điểm số cuối kỳ của SV trong các lớp học được sử dụng để đánh giá hiệu quả của PP giảng dạy.

PP phân tích dữ liệu: (1) Phân tích thống kê mô tả: Để mô tả đặc điểm của mẫu nghiên cứu và kết quả học tập của SV. (2) Phân tích so sánh: So sánh kết quả học tập của SV trước và sau khi áp dụng PP blended learning.

2.5. Kết quả nghiên cứu

- Hiệu quả học tập (1) Kết quả nghiên cứu cho thấy SV học theo PP blended learning đạt kết quả học tập cao hơn so với kỳ vọng. Điều này được thể hiện qua điểm số trung bình của các lớp học. (2) Điểm số trung bình trước khi áp dụng PP blended learning là 7.5/10. (3) Điểm số trung bình sau khi áp dụng PP blended learning là 8.3/10.

- Sự hài lòng của SV: (1) SV đánh giá cao PP blended learning do sự kết hợp linh hoạt giữa học trực tuyến và trực tiếp, giúp họ có thể tự điều chỉnh thời gian học tập mà vẫn có cơ hội tương tác trực tiếp với GV và SV. (2) 85% SV cho biết họ hài lòng với PP học này. (3) 75% sinh viên cảm thấy PP này giúp họ tiếp thu kiến thức tốt hơn.

- Tương tác và hợp tác: (1) SV trong các lớp học blended learning có sự tương tác tốt hơn với GV và bạn học, từ đó cải thiện KN làm việc nhóm và giao tiếp. (2) 80% SV nhận thấy KN làm việc nhóm của họ được cải thiện. (3) 70% SV cho biết họ cảm thấy thoải mái hơn khi giao tiếp trong lớp học.

- So sánh kết quả học tập trước và sau khi áp dụng blended learning: (1) Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng SV học theo PP blended learning có điểm số trung bình cao hơn so với trước khi áp dụng PP này. Điều này có thể được giải thích bởi sự kết hợp giữa học trực tuyến và trực tiếp, giúp SV tiếp thu kiến thức một cách toàn diện hơn. (2) Sự hài lòng của SV với PP giảng dạy. (3) SV đánh giá cao sự linh hoạt của PP blended learning, cho phép họ tự điều chỉnh thời gian học tập mà vẫn có cơ hội tương tác trực tiếp với GV và bạn học. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và nâng cao hiệu quả giảng dạy.

- Tương tác và hợp tác trong lớp học: (1) Phương pháp blended learning giúp tăng cường sự tương tác

giữa SV với GV và bạn học, từ đó cải thiện KN làm việc nhóm và giao tiếp của SV. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc giảng dạy KNM, vốn đòi hỏi sự thực hành và phản hồi liên tục. Những thách thức và hạn chế: (1) Tuy blended learning mang lại nhiều lợi ích, việc áp dụng PP này cũng gặp phải một số thách thức và hạn chế. (2) Khả năng tiếp cận công nghệ: Không phải tất cả SV đều có điều kiện tiếp cận thiết bị và kết nối internet ổn định. (3) Đào tạo GV: GV cần được đào tạo về KN sử dụng công nghệ và thiết kế bài giảng trực tuyến. (4) Tương tác trực tiếp bị giảm: Mặc dù blended learning kết hợp cả học trực tuyến và trực tiếp, nhưng sự tương tác trực tiếp giữa GV và SV vẫn bị giảm so với PP truyền thống.

3. Kết luận

Phương pháp giảng dạy blended learning đã chứng minh được hiệu quả rõ rệt trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy KNM cho SV Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải. Qua việc kết hợp học trực tuyến và trực tiếp, SV không chỉ phát triển KNM một cách toàn diện mà còn cải thiện được kết quả học tập và sự hài lòng. Blended learning tạo ra môi trường học tập linh hoạt, tăng cường tương tác và hợp tác, đồng thời tối ưu hóa tài nguyên giáo dục. Tuy nhiên, để áp dụng thành công, cần sự chuẩn bị kỹ lưỡng về cơ sở hạ tầng công nghệ, đào tạo GV và hỗ trợ SV. Việc liên tục thu thập phản hồi và cải tiến nội dung giảng dạy sẽ đảm bảo PP này mang lại lợi ích lâu dài.

Tài liệu tham khảo

- Garrison, D. R., & Vaughan, N. D. (2008). *Blended Learning in Higher Education: Framework, Principles, and Guidelines*. Jossey-Bass.
- Anderson, T. (2008). *The Theory and Practice of Online Learning*. AU Press.
- Means, B., Toyama, Y., Murphy, R., Bakia, M., & Jones, K. (2010). *Evaluation of Evidence-Based Practices in Online Learning: A Meta-Analysis and Review of Online Learning Studies*. U.S. Department of Education.
- Graham, C. R. (2006). *Blended Learning Systems: Definition, Current Trends, and Future Directions*. In *Handbook of Blended Learning: Global Perspectives, Local Designs* (pp. 3-21). Pfeiffer.
- Picciano, A. G., & Seaman, J. (2007). *K-12 Online Learning: A Survey of U.S. School District Administrators*. Sloan Consortium.